TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																												TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH11700493	Phan	Bình	D17_CDT01																						6.25	5.39	4.00	5.43	6.45	6.20	5.93	6.29	105/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
2	DH11701220	Phùng Nguyễn Công	Danh	D17_CDT01																						6.60	4.00		5.65	7.25	7.60	6.19	6.44	103/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
3	DH11701253	Nguyễn Thành	Hoài	D17_CDT01																						4.35	3.65		4.48	6.30	8.00	5.50	5.34	81/107	37/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
4	DH11700242	Phạm Thanh	Nhã	D17_CDT01																						4.75	4.70	5.43	5.22	6.15	6.00	5.83	5.79	104/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
5	DH11700698	Trần Công	Ninh	D17_CDT01																						6.30	5.78	6.00	6.04	7.15	8.33	6.14	6.62	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
6	DH11701969	Nguyễn Văn	Phú	D17_CDT01																						6.40	4.96		6.00	6.00	4.00	5.24	5.70	88/107	40/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
7	DH11700861	Phan Phong	Phú	D17_CDT01																						6.15	5.48	5.00	5.96	6.30	6.33	6.57	6.36	104/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
8	DH11701078	Đặng Hoàn	Phúc	D17_CDT01																						6.85	5.70		5.78	7.30	4.00	6.57	6.48	103/107	45/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
9	DH11700862	Phan Phú	Quý	D17_CDT01																						7.60	6.30		6.61	7.05	5.00	6.67	6.84	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
10	DH11702396	Phan Trọng	Thạnh	D17_CDT01																						5.95	4.13	6.33	5.87	6.41	7.40	6.67	6.68	103/107	45/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
11	DH11700934	Nguyễn Quốc	Toàn	D17_CDT01																						5.70	4.52	5.00	5.39	6.85	5.22	6.13	6.21	93/107	41/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
12	DH11700171	Lê Hoài	Vũ	D17_CDT01																						6.40	5.22		6.13	6.15	6.00	5.67	6.06	95/107	42/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
13	DH11702909	Lê Quốc	Duy	D17_CDT02																						4.90	4.09		4.83	4.59	5.80	5.88	5.62	88/107	39/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
14	DH11703206	Đỗ Hoàng	Dự	D17_CDT02																						5.30	4.61	7.00	4.92	5.66	7.00	5.52	6.10	100/107	44/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
15	DH11703019	Lê Anh	Huy	D17_CDT02																						5.25	4.26		5.87	6.35	5.40	6.17	6.07	94/107	41/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
16	DH11701714	Trần Tuấn	Huy	D17_CDT02																						5.65	3.74		5.93	6.12	8.00	5.70	5.95	99/107	44/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
17	DH11703538	Trần Minh	Khang	D17_CDT02																						8.45	6.13		6.43	6.96	6.00	7.24	7.22	105/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
18	DH11703545	Nguyễn Văn	Khánh	D17_CDT02																						8.30	6.48		7.13	7.05	7.00	6.86	7.20	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
19	DH11701950	Nguyễn Minh	Luân	D17_CDT02																						3.25	2.65		4.43	5.73	6.00	5.85	5.19	76/107	36/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
20	DH11702073	Trịnh Hoàng	Minh	D17_CDT02																						6.80	4.83		5.61	6.04	6.00	5.29	6.07	100/107	43/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
21	DH11703004	Nguyễn Hoàng	Nam	D17_CDT02																						5.95	4.43		5.39	3.79	8.00	5.88	5.37	81/107	36/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
22	DH11702746	Nguyễn Hoàng	Nhả	D17_CDT02																						5.25	4.26		5.83	5.89		5.38	5.52	87/107	40/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
23	DH11703956	Ngô Hoàng	Phú	D17_CDT02																						6.35	5.22		6.26	6.70		6.14	6.29	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
24	DH11702300	Hồ Cô	Rum	D17_CDT02																						5.85	5.09		5.13	6.32	5.33	5.24	5.71	94/107	42/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
25	DH11704291	Nguyễn Quang Hoàng	Tín	D17_CDT02																						6.85	5.09		4.74	5.96	6.33	5.65	5.94	90/107	39/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
26	DH11704317	Trần Huy	Toàn	D17_CDT02																						7.60	6.22		6.26	7.25		7.05	6.84	102/107	45/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
27	DH11704399	Phạm Hiếu	Trung	D17_CDT02																						6.05	4.26		6.30	6.71	6.50	5.76	6.19	95/107	42/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
28	DH11702834	Đinh Xuân Minh	Tú	D17_CDT02																						4.45	4.04	6.00	5.69	6.40	4.00	6.00	6.31	102/107	45/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
29	DH11701904	Lương Hoàng	Vĩ	D17_CDT02																						5.25	3.83		4.83	5.42	3.40	6.30	5.59	87/107	39/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
30	DH11703201	Nguyễn Quốc	Cường	D17_CDT03																						5.05	5.26	0.00	4.52	6.35	5.50	5.42	5.52	83/107	37/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
31	DH11703245	Nguyễn Khánh	Duy	D17_CDT03																						5.55	5.13	5.00	5.61	6.95	6.43	6.00	6.15	99/107	44/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
32	DH11704851	Phạm Huy Anh	Duy	D17_CDT03																						5.45	4.87		5.43	6.14		5.35	5.57	89/107	40/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
33	DH11703309	Cao Minh	Đạt	D17_CDT03																						5.95	4.74	4.00	5.26	5.80		5.71	5.47	79/107	37/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
34	DH11703323	Nguyễn Thanh	Đạt	D17_CDT03																						5.30	4.78	6.00	5.00	5.75	6.00	5.71	5.62	88/107	39/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
35	DH11703290	Lữ Thanh	Đức	D17_CDT03																						5.40	5.39		6.17	6.45	6.00	6.13	6.07	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
36	DH11703541	Hà Duy	Khánh	D17_CDT03																						6.05	5.96		5.87	6.55		6.04	6.22	103/107	45/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
37	DH11703660	Dương Phi	Long	D17_CDT03																						6.05	6.22		5.57	7.00	5.67	6.00	6.37	105/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
38	DH11703752	Phạm Thế	Nam	D17_CDT03																						5.35	4.74	3.71	5.87	5.62	6.00	5.17	5.64	93/107	41/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
39	DH11704965	Lâm Đường	Phú	D17_CDT03																						5.10	5.22	2.00	4.83	5.80	3.00	5.18	5.22	69/107	34/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
40	DH11703999	Mai Minh	Quang	D17_CDT03																						0.70	3.48		6.13	6.00	6.55	6.00	5.09	78/107	36/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
41	DH11704060	Huỳnh Thanh	Sao	D17_CDT03																						6.45	6.00		7.00	7.35	6.00	6.67	6.83	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
42	DH11704109	Trần Trung	Thể	D17_CDT03																						4.35	5.00	5.11	6.00	6.55	6.00	5.76	5.84	97/107	43/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
43	DH11704361	Nguyễn Mạnh	Trí	D17_CDT03																						6.70	5.70		5.13	5.85	0.00	5.41	5.87	97/107	43/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																												TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
44	DH11704814	Hồ Thanh	Đạt	D17_CDT04																						7.05	6.87		6.61	6.45		6.48	6.69	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
45	DH11701604	Đặng Trần	Hoàn	D17_CDT04																						7.00	4.52		5.70	5.80	5.43	5.92	6.04	95/107	42/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
46	DH11705036	Lê Đình Huy	Hoàng	D17_CDT04																						5.80	5.17		5.50	5.75	4.33	5.25	5.68	93/107	40/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
47	DH11701114	Nguyễn Hoàng Phi	Hưng	D17_CDT04																						6.00	5.70		6.26	6.10		7.04	6.41	97/107	44/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
48	DH11702228	Nguyễn Tiến	Khang	D17_CDT04																						5.35	5.30	4.80	5.78	5.90	6.50	5.29	5.79	93/107	41/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
49	DH11700623	Nhiêu Quang	Minh	D17_CDT04																						6.00	6.00	5.00	6.00	5.60		6.04	6.06	99/107	43/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
50	DH11703726	Quảng Hoàng	Minh	D17_CDT04																						4.70	4.43	5.00	5.43	5.20	6.00	5.89	5.45	82/107	37/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
51	DH11703847	Nguyễn Thành	Nhân	D17_CDT04																						5.25	5.78		5.61	5.58	5.00	5.86	5.70	92/107	42/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
52	DH11703881	Phạm Minh	Nhật	D17_CDT04																						7.20	6.87		7.26	7.05		6.83	7.12	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
53	DH11703969	Phạm Ngọc	Phúc	D17_CDT04																						4.55	5.83	5.43	5.92	6.45	6.00	6.38	6.23	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
54	DH11703981	Trần Minh	Phước	D17_CDT04																						6.35	5.78		6.09	5.95		0.00	4.85	76/107	31/47	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
55	DH11702852	Ngô Nhựt	Tân	D17_CDT04																						5.60	5.43		4.48	5.50	5.00	5.24	5.32	82/107	37/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
56	DH11704359	Đinh Quốc	Trí	D17_CDT04																						6.40	4.96		5.09	5.45	5.43	5.19	5.49	87/107	39/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
57	DH11704459	Võ Văn	Tuấn	D17_CDT04																						6.45	6.00		6.65	6.55		6.62	6.45	107/107	47/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
58	DH11701585	Trần Nguyễn Minh	Tứ	D17_CDT04																						6.45	5.87		6.04	5.90	6.00	5.78	6.18	101/107	45/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
59	DH11702990	Lê Đình	Tường	D17_CDT04																						6.05	4.91		6.04	5.80	4.14	6.21	5.99	96/107	43/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
60	DH11700235	Mai Hồ Khang	Vĩ	D17_CDT04																						5.15	5.96		5.36	5.75	5.67	6.05	5.85	94/107	42/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
61	DH11702471	Nguyễn Văn	Vinh	D17_CDT04																						6.95	7.39		6.52	6.65		7.10	6.93	104/107	46/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17
62	DH11702813	Lê Phú	Vĩnh	D17_CDT04																						5.75	4.35		4.65	5.35	5.00	5.79	5.31	79/107	37/47		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH17

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**